

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 11 và 11 tháng năm 2016

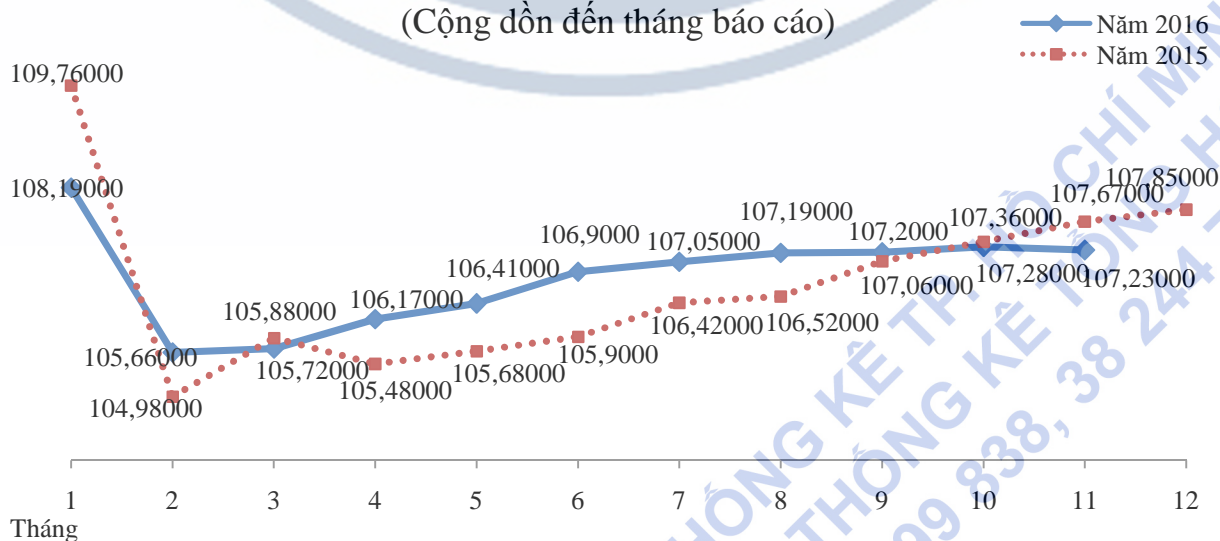
I. CÔNG NGHIỆP

Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp tục tăng trưởng khá so với tháng trước và so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11 ước tính tăng 3,18% so tháng trước. Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so với tháng trước như: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+5,28%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+8,40%); sản xuất trang phục (+10,52%); dệt (+6,84%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+1,65%); hóa chất (+4,39%); thuốc, hóa dược (+16,99%); giấy và sản phẩm từ giấy (+15,33%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất thuốc lá giảm 7,67%; sản xuất kim loại (-5,9%); sản xuất sản phẩm điện tử (-0,14%); sản xuất thiết bị điện giảm 7,13%...

So với tháng 11/2015, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 8,67%.

Tính chung 11 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 7,23% so với cùng kỳ năm 2015¹. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,18% đóng góp 6,96 điểm phần trăm; sản xuất phân phối điện tăng 10,18% đóng góp 0,09 điểm phần trăm; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 14,89% đóng góp 0,28 điểm phần trăm; ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm 39,37% làm giảm 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



¹ 11 tháng 2015 chỉ số IIP tăng 7,67%, 11 tháng 2014 chỉ số IIP tăng 6,79%.

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 11 so với tháng 10	11 tháng so với cùng kỳ 2015
Tổng số	103,18	107,23
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	100,35	60,63
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,18	107,18
3. SX và phân phối điện	108,12	110,18
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	101,26	114,89
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,00	109,92
2. Sản xuất đồ uống	103,26	111,99
3. Sản xuất trang phục	110,52	107,45
4. Sản xuất da và SP liên quan	119,96	94,70
5. SX hóa chất và SP hóa chất	104,39	103,41
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	105,28	101,46
7. SP. từ khoáng phi kim loại	105,75	120,21
8. Sản xuất SP điện tử	99,86	109,24
9. Sản xuất thiết bị điện	92,87	110,89
10. Sản xuất xe có động cơ	87,36	110,34

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 22/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: ngành sản xuất đồ uống (+11,99%), trong đó chế biến sữa tăng 11,9%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm (+9,92%). Nguyên nhân các đơn vị sản xuất chuẩn bị lượng hàng phục vụ Tết đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Bên cạnh đó thị trường bất động sản đang ảm đạm đã kích thích ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng mạnh (+20,21%), trong đó: sản xuất xi măng (+20,51%), sản xuất bê tông (+21,29%); ngành sản xuất thiết bị điện (+10,89%); sản xuất giấy (+10,45%); sản xuất xe có động cơ (+10,34%)... **Một số ngành có mức tăng khá** như: sản xuất kim loại (+7,98%); sản xuất trang phục (+7,45%); dệt (+6,44%)... **Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm**: sản xuất thuốc, hóa dược (-2,87%); sản xuất da (-5,3%); sản xuất phương tiện vận tải khác (-15,47%)...

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 11 tăng 0,87% so với tháng trước; tăng 7,59% so với tháng 11/2015. Tính chung 11 tháng tăng 7,36% so cùng kỳ, cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Chia ra: ngành chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống tăng 11,16%; sản xuất hàng điện tử tăng 9,24%; ngành cơ khí tăng 5,98% và ngành hóa dược tăng nhẹ 0,44%.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 11 so với tháng 10	11 tháng so với cùng kỳ 2015
Tổng số	100,87	107,36
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	102,79	111,16
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	102,00	109,92
11-Sản xuất đồ uống	103,26	111,99
B-Nhóm Ngành hóa dược	108,70	100,44
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	104,39	103,41
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	116,99	97,13
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	105,28	101,46
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	99,86	109,24
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	99,86	109,24
D-Nhóm ngành cơ khí	95,54	105,98
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	101,65	103,86
27-Sản xuất thiết bị điện	92,87	110,89
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	104,30	120,01
29-Sản xuất xe có động cơ	87,36	110,34
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	99,69	84,53

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10 tăng 0,86% so tháng trước và tăng 10,35% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm tăng 6,91% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất đồ uống; sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; trang phục; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản phẩm điện tử... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp như: sản xuất da giày; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất thuốc lá...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/11 tăng khá cao so với cùng kỳ chủ yếu ở ngành sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; sản xuất chế biến thực phẩm và sản xuất sản phẩm điện tử, sản xuất thiết bị điện tăng cao hơn mức tăng chung. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất da; sản xuất xe có động cơ; thuốc lá...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Theo kết quả điều tra sơ bộ vụ mùa: diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 11.904 ha, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân giảm vẫn do quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao. Trong đó, diện tích lúa ước đạt

7.847 ha, giảm 4,6%, trong đó huyện Củ Chi chiếm 53,9%, giảm 2,2%; tại huyện Cần Giờ có 23 ha lúa bị chết do khô hạn. Sản lượng lúa ước đạt 31.596 tấn, giảm 4,9%, năng suất đạt 40,3 tạ/ha giảm 0,3%.

Diện tích gieo trồng rau ước 2.372 ha, giảm 14,3%; đậu phộng ước 34 ha, giảm 12,4%; mía trồng mới ước đạt 289 ha, tăng 152% so cùng kỳ. Hoa cây cảnh 220 ha, tăng 7,7%; trong đó, hoa lan chiếm 87,3% diện tích, tăng 11,7% so với cùng kỳ. Năng suất các cây trồng đa số đều tăng so với cùng kỳ.

Sinh vật gây hại trên cây trồng: lúa vụ mùa nhiễm bệnh 1.309,5 ha, giảm 18,5% so với cùng kỳ. Diện tích hoa màu: rau 591,2 ha, giảm 28,4%; hoa lan, cây kiếng 81,2 ha, tăng 62,1% so với cùng kỳ.

1.2. Chăn nuôi (kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/10/2016)

Tổng đàn trâu bò ước tính 132,8 ngàn con, giảm 2,4% so với cùng kỳ; trong đó, đàn bò sữa ước đạt 101,5 ngàn con, giảm 2%. Đàn heo ước đạt 281,6 ngàn con, giảm 8,5% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do việc khuyến khích chuyển đổi kinh tế, giảm thiểu tình trạng hộ chăn nuôi gây ô nhiễm trên một số quận, huyện. Đàn gia cầm đạt 762 ngàn con, giảm 3% so với cùng kỳ, nuôi tập trung tại các hộ gia công cho công ty Cổ phần CP và trang trại gà Củ Chi 1, Củ Chi 2.

Trong tháng, tình hình dịch tễ trên đàn gia súc ổn định, không phát hiện dịch bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, PRRS.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp 36,9 ngàn ha (đất có rừng 34,6 ngàn ha). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 16,5%, tỉ lệ che phủ rừng và cây xanh đạt 40,1%.

Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trong 11 tháng: đã tổ chức 1.022 lượt kiểm tra (phòng cháy chữa cháy rừng 545 lượt; phối hợp với các xã và lực lượng giáp ranh tuần tra truy quét bảo vệ rừng 161 lượt; phối hợp với chủ rừng thực hiện 316 lượt).

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước đạt 7.760,5 tấn, giảm 1,3% so tháng cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng ước đạt 4.702 tấn, tăng 15,4%; sản lượng khai thác ước đạt 3.059 tấn, giảm 19,3%.

Lũy kế 11 tháng, sản lượng thủy sản ước đạt 48.442,2 tấn, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng ước đạt 30.935 tấn, giảm 2% (tôm thẻ chân trắng chiếm 32,9%, tăng 5,1%). Sản lượng khai thác ước đạt 17.507,4 tấn, giảm 2,2% so với cùng kỳ (cá chiếm 51,8%, tăng 4,7%).

Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ: tính đến ngày 10/11, đã có 543 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 136,7 triệu con trên diện tích 3.180,4 ha; chủ yếu được nuôi với hình thức quảng canh cải tiến với 3.105,9 ha, chiếm 97,7% với 119,3 triệu con giống. Tôm thẻ chân trắng có 2.713 lượt hộ thả nuôi với 1.117,3 triệu con giống trên diện tích 2.692,5 ha, được nuôi theo hình thức bán công nghiệp và công nghiệp.

Tình hình dịch bệnh tôm: Trong tháng có 23,5 ha nuôi tôm bị bệnh, tăng 32% so với cùng kỳ; lũy kế 11 tháng 131,8 ha.

4. Hoạt động khu nông nghiệp công nghệ cao

Tham gia chương trình ươm tạo có 22 doanh nghiệp, trong đó ở giai đoạn tiền ươm tạo 6 doanh nghiệp, giai đoạn chính thức 7 doanh nghiệp và hậu ươm tạo 9 doanh nghiệp.

Trong tháng, sản xuất và cung cấp 53 ngàn cây gieo ươm bí, ớt, cà tím; 3.208 cây lan giống, 23.394 cây cấy mô, 496 cây hoa nền và chuyển giao cho các hộ nông dân trên địa bàn. Lũy kế 11 tháng, sản xuất và cung cấp 426,8 ngàn cây gieo ươm.

Tiếp tục hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập trung vào quy trình sản xuất các loại rau đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và các quy trình sản xuất hoa, cây kiểng có năng suất chất lượng cao, đồng thời chuyển giao kỹ thuật công nghệ cho nông dân Thành phố và các tỉnh.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 11 tháng ước thực hiện 256.217 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 11,1%; so với kế hoạch năm đạt 87,5% (11 tháng năm 2015 tăng 11,0%). Trong đó:

Vốn ngân sách thành phố 15.739,2 tỷ đồng, tăng 5,7% so với cùng kỳ và đạt 58,7% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 1,2%). Cấp thành phố ước thực hiện 8.944,9 tỷ đồng, chiếm 56,8%, so với cùng kỳ tăng 7,9%; cấp quận huyện ước thực hiện 6.794,3 tỷ đồng, chiếm 41,3%, so với cùng kỳ tăng 2,9%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2015
Tổng vốn đầu tư	15.739,2	58,7	105,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	1.146,5	56,8	187,8
Cấp thành phố	8.944,9	52,7	107,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	564,9	47,4	242,4
Cấp quận huyện	6.794,3	64,2	102,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	581,6	70,0	166,1

Tháng 11, nhiều dự án chuyển tiếp và dự án vốn ODA được thành phố bổ sung thêm vốn, nên khối lượng thực hiện trong tháng tăng khá cao; cụ thể: so với tháng trước tăng 48,7%, so với tháng cùng kỳ tăng 28,3%.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố:

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Trong tháng đã khởi công gói thầu quan trọng nhất nhà ga ngầm nối từ Bến Thành đến Nhà hát TP. HCM. Hiện khối lượng trên toàn tuyến như: các trụ móng, các trạm dừng và phần lắp ghép đường trên cao đạt trên 58%.

- Dự án cầu vượt thép tại nút giao Ngã 6 Gò Vấp có 71 hộ cần giải tỏa, ban bồi thường Quận Gò Vấp đang lập phương án bồi thường để giải phóng mặt bằng; Gói thầu xây dựng hạng mục chiếu sáng đã tạm dừng thi công từ ngày 6/8/2016 cho đến nay do chưa hoàn tất công tác giải tỏa; gói thầu nhánh cầu Nguyễn Oanh – Phạm Ngũ Lão, đang giải phóng mặt bằng.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/10, toàn thành phố đã cấp 48.322 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 9.937,5 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 47.641 giấy phép, với diện tích 9.864,0 ngàn m² và 681 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 73,5 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 6,7% về giấy phép (+3.037 giấy phép) và tăng 10,2% về diện tích (+918,7 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 719 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 829 triệu.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 156 dự án với 513,9 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đầu tư đến ngày 15/11 đạt 1.342,9 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 3.152,4 triệu USD).

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 576 dự án, vốn đầu tư đạt 673,6 triệu USD; liên doanh 136 dự án, vốn đầu tư 147,6 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 7 dự án, vốn đầu tư 7,9 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: hoạt động kinh doanh bất động sản ở vị trí dẫn đầu với 21 dự án, vốn đầu tư đạt 326,8 triệu USD, chiếm 39,4% tổng vốn cấp mới; kế đến là ngành thương nghiệp 277 dự án, vốn đầu tư đạt 245,9 triệu USD (chiếm 29,7%); công nghiệp chế biến, chế tạo 36 dự án, vốn đầu tư 87 triệu USD (chiếm 10,5%); thông tin và truyền thông 106 dự án, vốn đầu tư 56,7 triệu USD (chiếm 6,8%); hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 144 dự án, vốn đầu tư 28,5 triệu USD; dịch vụ lưu trú và ăn uống 24 dự án, vốn đầu tư đạt 26,8 triệu USD; xây dựng 29 dự án, vốn đầu tư đạt 24,5 triệu USD...

Chia theo đối tác đầu tư: có 45 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư, trong đó Đài Loan 22 dự án, vốn đầu tư đạt 260,2 triệu USD (chiếm 31,4%); Nhật Bản 114 dự án, vốn đầu tư đạt 130,7 triệu USD (chiếm 15,8%); Singapore 117 dự án, vốn đầu tư đạt 107 triệu USD (chiếm 12,9%); British Virgin Islands 16 dự án, vốn đầu tư 78,3 triệu USD (chiếm 9,5%); Hàn Quốc 133 dự án, vốn đầu tư 64 triệu USD; Cayman Islands 4 dự án, vốn đầu tư 44,9 triệu USD; Malaysia 24 dự án, vốn đầu tư 37,9 triệu USD...

Dự án giải thể, chuyển trụ sở đi tỉnh, thành phố khác hoặc đề nghị chấm dứt hoạt động với 82 dự án, vốn đầu tư 88,7 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 32.494 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đăng ký thành lập 259.757 tỷ đồng, tăng

45,7%; bình quân một doanh nghiệp thành lập mới vốn đạt 8 tỷ đồng, tăng 26,3% so với mức bình quân cùng kỳ năm trước.

Theo loại hình doanh nghiệp: có 572 doanh nghiệp tư nhân đăng ký thành lập mới, giảm 33,1%; 28.255 công ty TNHH, tăng 16,3%; 3.660 công ty cổ phần, tăng 22,4%.

Theo khu vực kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản có 169 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 1.822 tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ. Công nghiệp và xây dựng 7.070 doanh nghiệp, tăng 10,7%, vốn đăng ký đạt 53.674 tỷ đồng, giảm 4,5%. Trong đó, xây dựng 3.262 doanh nghiệp, tăng 11,9%, vốn đăng ký 33.630 tỷ đồng, giảm 21,8%. Khu vực dịch vụ 25.255 doanh nghiệp, tăng 16,9% so cùng kỳ, vốn đăng ký đạt 204.261 tỷ, tăng 69,5%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo báo cáo từ cơ quan Thuế, trong 10 tháng đã có 23.779 doanh nghiệp ngừng, nghỉ kinh doanh, bằng 61,8% số doanh nghiệp tăng trong kỳ. So sánh với 10 tháng cùng kỳ năm trước tăng 24,5%. Trong đó, khu vực nhà nước 7 doanh nghiệp; ngoài nhà nước 23.685 doanh nghiệp; đầu tư nước ngoài 87 doanh nghiệp.

IV. NỘI THUỜNG

Trong những ngày đầu tháng 11, tình hình tiêu thụ hàng hóa vẫn chưa nhiều chuyển biến, dự kiến thị trường sẽ sôi động vào nửa cuối tháng 11 do nhu cầu mua sắm, trang trí nhà cửa chuẩn bị đón mừng các lễ hội cuối năm, tết dương lịch và tết cổ truyền. Các doanh nghiệp thành phố đã chuẩn bị nguồn hàng phục vụ tết Đinh Dậu với tổng giá trị hàng hóa ước tính 17.068 tỉ đồng, tăng 870 tỉ đồng (5,3%) so với Tết Bính Thân 2016. Trong đó, giá trị hàng bình ổn thị trường là hơn 6.850 tỉ đồng. Dự kiến nhiều nhóm hàng được chuẩn bị với số lượng lớn, có thể chi phối một phần nhu cầu của thị trường như: thịt gia cầm (59,6%), đường (43,4%), trứng gia cầm (48%), thực phẩm chế biến (38,3%), thịt gia súc (35,5%), dầu ăn (34,5%), gạo (33,3%)...

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước đạt 60.211,7 tỷ đồng, tăng 3,12% so tháng trước.

Ước tính 11 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 638.987,5 tỷ đồng, tăng 9,02% so cùng kỳ. (cùng kỳ năm trước chính thức tăng 9,87%)

Chia theo thành phần kinh tế:

- + Kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 7,2% trong tổng số, tăng 16,06%.
- + Kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 13,2%, tăng 11,43%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 79,6%, tăng 8,04%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 11 đạt 48.511,5 tỷ đồng, tăng 3,52% so tháng trước. Ước 11 tháng đầu năm đạt 509.967 tỷ đồng, chiếm 79,8% trong tổng mức, tăng 9,94%. Chia theo nhóm hàng:

- Lương thực thực phẩm chiếm 16,5% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa, tăng 1,76% so cùng kỳ.

- Hàng may mặc chiếm 6,5%, tăng 5,92%.
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 19,2%, tăng 12,88%;
- Phương tiện đi lại chiếm 6,2%, giảm 1,06%; riêng xe ô tô chiếm 1,9%, tăng 8,28%.
- Xăng dầu chiếm 9,7%, tăng 17,62%.

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 11 đạt 6.222,9 tỷ đồng, tăng 3,09% so tháng trước. Ước 11 tháng đầu năm đạt 69.875,6 tỷ đồng, chiếm 10,9% trong tổng mức, tăng 5,32% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 4,66%; Dịch vụ ăn uống tăng 5,39%.

c. Du lịch: ước tính doanh thu tháng 11 đạt 1.546,3 tỷ đồng, giảm 6,35% so tháng trước. Do tháng 11 là thấp điểm của ngành du lịch trong nước, du lịch thành phố chưa có sức hút đặc biệt và bị ảnh hưởng mưa lớn, triều cường gây ngập lụt.. vì vậy lượng khách du lịch giảm 22,2%, ngày khách du lịch giảm 14,4%.

Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 17.515,1 tỷ đồng, chiếm 2,7% trong tổng mức, tăng 2,45% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 11 ước đạt 3.931,1 tỷ đồng, tăng 2,38% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 41.629,8 tỷ đồng, chiếm 6,5% trong tổng mức, tăng 7,26% so cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 11 đạt 2.714,8 triệu USD, giảm 3,7% so tháng trước. **Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 28.845,5 triệu USD, tăng 5% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt 26.503,3 triệu USD, tăng 10,4%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 11 đạt 2.707,9 triệu USD, tăng 1,3% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 26.731,7 triệu USD, tăng 7,6% so cùng kỳ. **Loại trừ dầu thô ước đạt 24.389,5 triệu USD, tăng 14%.** Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn một nửa trong tổng kim ngạch và có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực. Cụ thể

- + Nhà nước chiếm tỷ trọng 12,43%, giảm 30,1% (giảm 1.431,7 triệu USD).
- + Có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 53,4%, tăng 21,4% (tăng 2.516,3 triệu USD).
- + Ngoài nhà nước chiếm 34,2%, tăng 9,5% (tăng 794 triệu USD).

Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Mỹ với 4.930 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,4%; Trung Quốc chiếm vị trí thứ 2 với 4.832,8 triệu USD, chiếm

18,1%; kế đến là Nhật Bản 2.549,2 triệu USD, chiếm 9,5%, Hàn Quốc 1.314,5 triệu USD, chiếm 4,9%, Hồng Kông 1.241 triệu USD, chiếm 4,6%...

Cụ thể ước tính kim ngạch xuất khẩu 11 tháng của một số mặt hàng vào các thị trường chính như sau:

+ Mỹ là thị trường xuất khẩu số một với 4.930 triệu USD, tăng 8,4% so cùng kỳ, trong đó: rau quả tăng 48,9%, điện thoại và linh kiện tăng 88,6%, hàng hóa khác tăng 85,3%, dệt may tăng 2,5%, giày dép (+0,73%), thủy sản tăng 2,1%.

+ Thị trường thứ 2 là Trung Quốc: xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc ước 11 tháng đạt 4.832,8 triệu USD, tăng 37,5% so cùng kỳ, trong đó: hàng thủy sản tăng gấp 3 lần, giày dép tăng 36,5%, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 48,1%, hàng dệt may giảm 1,1%, sợi dệt giảm 16,6%, hàng rau quả giảm 14%...

+ Nhật Bản: kim ngạch xuất khẩu đạt 2.549,2 triệu USD, giảm 9,9%, trong đó: thủy sản tăng 15%, dệt may (+7,6%), sản phẩm điện tử (+18,8%)..

+ Hàn Quốc: xuất khẩu đạt 1.314,5 triệu USD, tăng 25,9% so cùng kỳ, trong đó: thủy sản giảm 5,1%, dệt may (+18,29%), giày dép giảm 12,1%, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 2,3 lần.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu: (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 4.596,4 triệu USD, tăng 4,9% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 18,84%. Trong đó:

+ Gạo: xuất khẩu 658 ngàn tấn, trị giá 762,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,1%, giảm 25,4% so cùng kỳ (lượng giảm 49%).

+ Cà phê xuất khẩu đạt 740 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,1%, tăng 46,7%.

+ Hàng thủy hải sản đạt 658,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,7%, tăng 6,4% so cùng kỳ

+ Gỗ và sản phẩm từ gỗ đạt 491,8 triệu USD, tăng 19,1%, chiếm tỷ trọng 2%.

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 17.966,3 triệu USD, tăng 16,62% và chiếm tỷ trọng 73,79%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: ước xuất đạt 6.015,9 triệu USD, tăng 46,7% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 24,7%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,4%; khu vực trong nước chiếm 0,6%.

+ Hàng may mặc ước đạt 5.014,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,6% tăng 3,8% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 43,6%; khu vực trong nước chiếm 56,4%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Nhật, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc chiếm tỷ trọng gần 78%.

+ Hàng giày dép ước xuất 2.240,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,2%, giảm 0,6% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 83%; khu vực trong nước chiếm 17%. Thị trường chủ yếu là Mỹ, Đức, Nhật, Anh, Trung Quốc chiếm trên 58%.

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 1.796,7 triệu USD, tăng 13,57%, chiếm tỷ trọng 7,3%

- **Riêng dầu thô:** ước xuất đạt 7.056,3 ngàn tấn, giảm 15,4%; về trị giá đạt 2.342,3 triệu USD, giảm 32,3%, do giá bình quân giảm 20% so cùng kỳ. Kim ngạch dầu thô chiếm 8,76% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 11 đạt 3.508,9 triệu USD, tăng 1,2% so tháng trước. **Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 34.000,2 triệu USD, tăng 11,8% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 11 ước đạt 3.229,3 triệu USD, tăng 15,9% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 29.570,3 triệu USD, tăng 12,5% (+3.275,6 triệu USD). Chia ra:

- + Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.430,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,8%, tăng 0,1%;
- + Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12.418 triệu USD, chiếm 42%, tăng 22%;
- + Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 15.721,6 triệu USD, chiếm 53,2%, tăng 7%.

Thị trường nhập khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Trung Quốc với 6.878,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 23,3%; Singapore đứng vị trí thứ 2 với 2.681,5 triệu USD, chiếm 9,1%, kế đến là Hàn Quốc 2.442 triệu USD, chiếm 8,3%; tiếp theo là Mỹ 2.423,3 triệu USD, chiếm 8,2%, Nhật Bản 6,2%, Thái Lan 6,1%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng năm 2016:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

- Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 6.244 triệu USD, chiếm 21,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng 48% so cùng kỳ. Thị trường nhập khẩu chủ yếu từ Mỹ (24,6%), Trung Quốc (24%), Israel (18,6%)...

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác ước đạt 3.920,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 13,3%, tăng 12,9% so cùng kỳ. Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản (chiếm 33,1%).

- Vải các loại ước đạt 2.109,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,1%, giảm 3%. Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc (41,1%), Đài Loan (17%), Hàn Quốc (15,5%), Nhật Bản (11,4%).

- Chất dẻo nguyên liệu 1.556,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,3%, tăng 11,9%.

- Sắt thép các loại 1.414 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,8%, tăng 10,1%.

- Dược phẩm 1.186,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4%, tăng 6,5%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 11 ước đạt 7.806,3 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 77.787,4 tỷ đồng, tăng 20,7% so cùng kỳ 2015.

**Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách
11 tháng đầu năm 2016**

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2015	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	54.844,0	22.943,4	120,5	121,4
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.014,1	320,9	90,2	86,8
Kinh tế ngoài nhà nước	50.532,6	18.814,8	123,7	122,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	297,3	3.807,7	123,2	118,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Chia ra:				
Đường bộ	32.824,7	18.951,1	124,6	121,5
Đường sông	5.843,2	463,7	124,0	118,3
Đường biển	16.077,0		111,8	
Đường hàng không	99,1	3.528,6	103,1	121,5

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 11 ước đạt 5.894,4 tỷ đồng, tăng 4,7% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 54.844 tỷ đồng, tăng 20,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 92,1%, tăng 23,7%; kinh tế nhà nước chiếm 7,3%, giảm 9,8%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 59,8%, tăng 24,6%, đường biển chiếm tỷ trọng 29,3%, tăng 11,8%.

- **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 11 ước đạt 1.912,4 tỷ đồng, tăng 2% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đầu năm đạt 22.943,4 tỷ đồng, tăng 21,4% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 82%, tăng 22,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,6%, tăng 18,4%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 11 tháng ước 18.951,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 82,6%, tăng 21,5%; Đường hàng không 3.528,7 tỷ đồng, chiếm 15,4%, tăng 21,5%.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 11 tháng ước thực hiện 272.849 tỷ đồng, đạt 91,47% dự toán, tăng 10,04% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 169.233 tỷ đồng, đạt 95,29% dự toán, tăng 18,71% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 12.616 tỷ đồng, đạt 69,32% dự toán, giảm 40,90% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 91.000 tỷ đồng, đạt 88,78% dự toán, tăng 8,25% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng thu cân đối ngân sách NN	298.300	272.849	91,47	110,04
I- Thu nội địa	177.600	169.233	95,29	118,71
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	32.820	28.064	85,51	107,25
2. Khu vực ngoài nhà nước	39.000	40.558	104,00	125,95
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	48.700	44.749	91,89	121,40
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	102.500	91.000	88,78	108,25
III- Thu từ dầu thô	18.200	12.616	69,32	59,10

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 16,58% tổng thu nội địa, tăng 7,25% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 15.488 tỷ đồng, đạt 76,79% dự toán, giảm 3,47% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 12.575 tỷ đồng, đạt 99,41% dự toán, tăng 24,25% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 40.558 tỷ đồng, tăng 25,95% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 44.749 tỷ đồng, tăng 21,40 so cùng kỳ. Thu khác 55.863 tỷ đồng, đạt 97,87% dự toán; trong đó thuế thu nhập cá nhân 22.179 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 11.171 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 11 tháng ước đạt 66.287 tỷ đồng, đạt 103,90% dự toán, tăng 16,13% so cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng ước thực hiện 46.044 tỷ đồng, đạt 72,17% dự toán, tăng 0,43% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng chi (trừ tạm ứng)	63.801	46.044	72,17	100,43
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	26.547	21.098	79,48	100,92
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.973	3.923	98,74	61,35
II- Chi thường xuyên	34.630	24.641	71,15	105,15
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.901	3.036	61,95	114,49
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	9.185	6.916	75,30	102,61
Sự nghiệp y tế	2.672	2.659	99,51	93,90
Quản lý hành chính	5.133	4.308	83,91	104,06

Chi đầu tư phát triển 21.098 tỷ đồng, đạt 79,48% dự toán, tăng 0,92% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 24.641 tỷ đồng, đạt 71,15% dự toán, tăng 5,15% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 3.036 tỷ đồng, đạt 61,95% dự toán, tăng 14,49%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 6.916 tỷ đồng, đạt 75,30% dự toán, tăng 2,61%; chi sự nghiệp y tế 2.659 tỷ đồng, đạt 99,51% dự toán, giảm 6,10%; chi quản lý hành chính 4.308 tỷ đồng, đạt 83,91% dự toán.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn Thành phố đến đầu tháng 11 đạt 1.739,17 ngàn tỷ đồng, giảm 0,36% so tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +2,27%) và tăng 16,81% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 54,14% tổng vốn huy động, tăng 15,4% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,03%, giảm 9,15% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu và ngày càng lớn trong tổng nguồn vốn ở mức 87,97%, tăng 21,55% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 53,24% tổng vốn huy động, tăng 15,08% so với tháng cùng kỳ. Đây là bộ phận tiền gửi tương đối ổn định cho thấy niềm tin vào hệ thống ngân hàng cùng với dịch vụ ngân hàng tiện ích là nguyên nhân chính thu hút bộ phận tiền gửi này.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đến đầu tháng 11 đạt 1.410,34 ngàn tỷ đồng, tăng 0,81% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,21%); so với tháng 12/2015 tăng 14,18%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 778,69 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,21% tổng dư nợ, tăng 19,64% so tháng cùng kỳ. Dư nợ bằng ngoại tệ đạt 139,59 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,9% tổng dư nợ, giảm 2,31% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.270,75 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,1% tổng dư nợ, tăng 23,95% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 10 năm 2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 314 gồm 313 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, tăng 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng 09 (ngày 05/10 mã cổ phiếu TCH của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy giao dịch ngày đầu tiên; ngày 10/10 mã cổ phiếu DAH của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á giao dịch ngày đầu tiên).

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.377.656,93 tỷ đồng, tăng 20,08% so với cuối năm 2015. Trong tháng 10/2016 có 21 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. VN-Index trong tháng không có nhiều biến động với chênh lệch giữa giá trị cao nhất và thấp nhất chỉ là 15,28 điểm. Trong tháng 10, có 1 lần VN-Index thiết lập đỉnh mới vào ngày 19. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 675,80 điểm, giảm 1,45% (tương ứng giảm 9,93 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 16,71% (tương ứng tăng 96,77 điểm) so với cuối năm 2015.

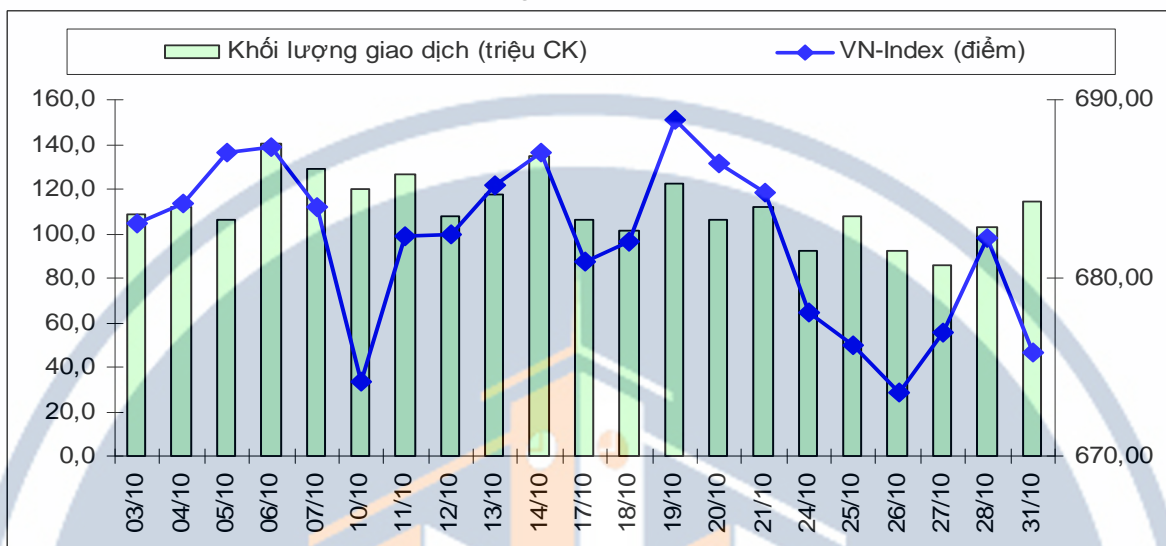
Khối lượng giao dịch của tháng 10/2016 đạt 2.697,21 triệu chứng khoán, tăng 2,88% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 51.100,03 tỷ đồng, giảm 17,50% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 128,44 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.433,33 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 2,88% và giá trị giao dịch giảm 17,50% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 10/2016, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 21/01 với 521,88 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 19/10 với 688,89 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10/2016	10 tháng năm 2016	Tháng 10 so tháng 09	10 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.697,21	26.942,69	102,88	117,86
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.688,39	26.817,91	102,87	117,67
Trái phiếu	3,29	76,16	79,32	202,94
Chứng chỉ quỹ & ETF	5,53	48,62	134,88	151,94
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.344,88	23.766,47	105,84	114,90
Giao dịch thỏa thuận	352,33	3.176,22	86,78	146,08
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	51.100,03	505.683,02	82,50	128,11
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	50.692,88	497.392,44	82,45	127,33
Trái phiếu	348,32	7.800,45	83,81	206,16
Chứng chỉ quỹ & ETF	58,83	490,13	135,02	161,43
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	41.363,24	413.856,63	85,09	121,93
Giao dịch thỏa thuận	9.736,79	91.826,39	73,04	166,04

Đồ thị VN-Index tháng 10/2016 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/11/2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 314. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.374.393,47 tỷ đồng, tăng 19,80% so với cuối năm 2015; VN-Index đạt 674,26 điểm, tăng 95,23 điểm so với cuối năm 2015 (tương ứng tăng 16,45%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/9/2016 đến 15/10/2016)

- **Tội phạm kinh tế:** Trong tháng đã phát hiện ra 78 vụ vi phạm kinh tế bao gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (17 vụ); buôn bán, vận chuyển hàng cấm (23 vụ); kinh doanh hàng hóa không hóa đơn, chứng từ (09 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (05 vụ); kinh doanh trái phép, trốn thuế (18 vụ) và án khác (06 vụ). Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 20 tỷ đồng. Ra quyết định xử phạt hành chính 59 trường hợp, thu khoảng 1,7 tỷ đồng.

Trong tháng cũng phát hiện, lập biên bản xử lý 26 vụ vi phạm về các hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại, vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm quy định về bảo vệ động vật quý hiếm. Ra quyết định xử lý vi phạm hành chính 21 vụ, thu về ngân sách khoảng 2,4 tỷ đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Đã xảy ra 543 vụ phạm pháp hình sự so với cùng kỳ năm trước giảm 8,74% (-52 vụ); làm chết 15 người, bị thương 65 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 11,6 tỷ đồng.

Tình hình phạm pháp hình sự tiếp tục được kéo giảm. Trong tháng, có 09 loại án được kéo giảm gồm: Giết người 08 vụ (giảm 02 vụ); cướp tài sản 13 vụ (giảm 05 vụ); hiếp dâm 03 vụ (giảm 01 vụ); giao cấu trẻ em 02 vụ (giảm 07 vụ); cố ý gây thương tích 51 vụ (giảm 20 vụ); chống người thi hành công vụ 05 vụ (giảm 01 vụ); cướp giết tài sản 69 vụ (giảm 19 vụ); trộm cắp tài sản 313 vụ (giảm 04 vụ); lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 50 vụ (giảm 07 vụ). Tuy nhiên, có 03 loại án tăng gồm: Cưỡng đoạt tài sản 09 vụ (tăng 06 vụ); bắt giữ người trái pháp luật 01 vụ (tăng 01 vụ) và án khác 19 vụ (tăng 07 vụ).

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 396 vụ (đạt 72,9%) và bắt 360 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** Đã phát hiện 101 vụ, bắt 1.999 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Đã khởi tố 69 vụ 85 người vi phạm; xử lý hành chính 32 vụ với 114 người vi phạm.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Phát hiện 05 vụ, xử lý 45 đối tượng tổ chức, mua bán dâm, lập biên bản 121 cơ sở vi phạm kinh doanh không phép, hoạt động quá giờ, sử dụng tiếp viên không hợp đồng lao động của các cơ sở dịch vụ giải trí.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã khám phá, xử lý 19 vụ 63 đối tượng tổ chức cờ bạc, thu khoảng 114 triệu đồng và một số công cụ, phương tiện phạm tội khác.

- Trật tự an toàn giao thông

Đã xảy ra 317 vụ tai nạn giao thông đường bộ so với cùng kỳ năm trước giảm 11,2% (-40 vụ); làm chết 57 người, bị thương 250 người. Trong đó: có 66 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên so với cùng kỳ giảm 19,5% (-16 vụ) và 01 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng.

Không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. Về tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 01 vụ trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người.

- Tình hình cháy, nổ

Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 25 vụ cháy, so với cùng kỳ năm trước giảm 37,5% (-15 vụ); làm chết 03 người, bị thương 02 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 33 triệu đồng (12 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố các hệ thống, thiết bị điện và vi phạm quy định trong sử dụng điện.

Trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

2. Giải quyết việc làm

Trong tháng 11/2016, các đơn vị dịch vụ việc làm, các thành phần kinh tế đã thu hút 21.542 lao động được giải quyết việc làm, giảm 6,96% so với tháng trước đó, số chỗ việc làm mới tạo ra là 8.569 chỗ làm, giảm mạnh 38,03% so với tháng trước.

Trong 11 tháng đầu năm 2016, các thành phần kinh tế đã thu hút 289.054 lượt người (đạt 107,06% kế hoạch năm), số việc làm mới tạo ra là 121.751 chỗ (đạt 97,40% kế hoạch năm).

Bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01/10 đến 31/10, trên địa bàn thành phố có 10.091 lao động đến trung tâm dịch vụ việc làm nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, số người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 12.140 người, số người được tư vấn - giới thiệu việc làm là 10.101 người, số người được hỗ trợ học nghề là 1.677 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng năm 2016.